



# NGHIÊN CỨU VỀ SỰ LO LẮNG KHI HỌC TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGỮ NĂM THỨ NHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Thị Phương Chi, Nguyễn Hồ Hoàng Thủy

<sup>1</sup>Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế, 57 Nguyễn Khoa Chiêm, Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: **Lê Thị Phương Chi** < ltpchi@hueuni.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 28-12-2021; Ngày chấp nhận đăng: 14-03-2023)

**Tóm tắt:** Sự lo lắng khi học ngoại ngữ được định nghĩa là một cảm xúc tiêu cực gắn liền với các hoạt động, tình huống cụ thể trong quá trình học ngoại ngữ. Sự lo lắng này được nhận định mang nhiều đặc điểm khác biệt so với đặc điểm tính cách lo lắng vốn có của con người. Những nghiên cứu được thực hiện trên nhiều nhóm đối tượng khác nhau đã khẳng định sự lo lắng khi học ngoại ngữ là một trong các yếu tố cản trở việc học và sử dụng ngoại ngữ. Đối với sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ nhất, những khó khăn trong quá trình học năm đầu tiên ở giảng đường đại học ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học lâu dài. Tìm hiểu, đánh giá sự lo lắng trong học ngoại ngữ và những ảnh hưởng của nó đến hiệu quả học tập của sinh viên năm thứ nhất là cần thiết để giúp cho giảng viên, sinh viên tìm được giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng Bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo lo lắng khi học ngoại ngữ của Horwitz và cộng sự (1986) để điều tra các đối tượng là sinh viên chuyên ngành tiếng Anh năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Phân tích kết quả thu được cho thấy sinh viên cảm thấy lo lắng ở mức độ trung bình, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh, các hoạt động có nhận xét, đánh giá trong lớp học và sự lo lắng khi học trong lớp tiếng Anh nói chung.

**Từ khóa:** Lo lắng khi học ngoại ngữ, sinh viên chuyên ngành tiếng Anh, học tiếng Anh hiệu quả, ảnh hưởng của lo lắng, các tình huống học tiếng Anh.

---

**A STUDY ON FOREIGN LANGUAGE CLASSROOM ANXIETY  
OF FIRST-YEAR ENGLISH-MAJORED STUDENTS  
AT THE UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES  
AND INTERNATIONAL STUDIES, HUE UNIVERSITY**

**Le Thi Phuong Chi, Nguyen Ho Hoang Thuy**

University of Foreign Languages and International Studies, Hue University, 57 Nguyen Khoa Chiem St.,  
Hue, Vietnam

\* Correspondence to **Le Thi Phuong Chi** < ltpchi@hueuni.edu.vn >

*(Received: December 28, 2021; Accepted: March 14, 2023)*

**Abstract:** Foreign language anxiety (FLA) is defined as a negative emotion associated with specific activities and situations in the process of learning a foreign language. FLA is considered to have different traits from the inherent anxiety of humans. Studies on different groups of participants have confirmed that FLA is one of the main obstacles to the effectiveness of foreign language learning. For first-year English-majored students, the unfavorable learning factors in their first year at university have a significant influence on the results of the long-term study process. Understanding anxiety in learning foreign languages and its effects on the learning performance of first-year students are necessary to help teachers and students achieve the best results in teaching and learning foreign languages. In this study, we used a questionnaire designed on the ground of the foreign language classroom anxiety scale of Horwitz et al. (1986) to investigate the anxiety of first-year English-majored students at the University of Foreign Languages and International Studies, Hue University. Analysis of the obtained results confirmed the existence of anxiety in their learning process. Many students are anxious in their English class, especially in oral communication and some classroom activities involving the assessment from teachers and peers.

**Keywords:** foreign language anxiety, first-year English-majored students, foreign language anxiety effects, situations of learning English.

## **1. Mở đầu**

Trong thời kỳ hội nhập, năng lực giao tiếp ngoại ngữ trở thành tiêu chí quan trọng để tuyển dụng nhân lực. Từ đầu những năm 1990, ngoại ngữ được đưa vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân ở Việt Nam như là một môn học bắt buộc. Tuy nhiên, kết quả thu được vẫn còn nhiều hạn chế. Học sinh tốt nghiệp bậc trung học phổ thông hầu như có năng lực

giao tiếp ngoại ngữ còn kém, chưa xứng tầm bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ của sinh viên chuyên ngữ chưa đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Đã có rất nhiều giải pháp liên quan đến nâng cao hiệu quả học tập ngoại ngữ được thực hiện, tuy nhiên tình trạng này vẫn chưa được khắc phục triệt để. Để đối phó với vấn đề này, thiết nghĩ cần có những nghiên cứu vượt ra ngoài việc tìm kiếm các phương pháp giảng dạy ngôn ngữ để nâng cao kết quả học tập.

Trên thực tế, quá trình học ngoại ngữ được chi phối bởi rất nhiều yếu tố tác động đến quá trình tiếp thu và sử dụng ngoại ngữ thành thạo (Aida, 1994). Cảm xúc tiêu cực là một trong những yếu tố có thể làm hạn chế quá trình tham gia vào các hoạt động học của sinh viên, thậm chí gây ra những ảnh hưởng lâu dài khác nhau đến thành tích học tập cũng như năng lực thực hành ngoại ngữ. Một số nghiên cứu quốc tế đã chỉ ra rằng sự lo lắng khi học ngoại ngữ (Foreign language anxiety - FLA) là một trong những yếu tố cảm xúc có ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình học. Tuy vậy, vấn đề này được tìm hiểu chủ yếu trên các đối tượng là học sinh phổ thông và sinh viên học ngoại ngữ không chuyên. Trong khi đó, sự lo lắng khi học ngoại ngữ của sinh viên chuyên ngữ chưa được nghiên cứu và đánh giá chi tiết. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu đánh giá sự lo lắng của sinh viên chuyên ngữ ngành tiếng Anh năm thứ nhất, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế trong quá trình học tiếng Anh.

## **2. Khái niệm về sự lo lắng trong quá trình học ngoại ngữ**

Năm 1986, lần đầu tiên Horwitz và các cộng sự đã đưa ra khái niệm lo lắng khi học ngoại ngữ, đó là phức hợp của sự tự nhận thức, niềm tin, cảm xúc và hành vi liên quan đến lớp học ngoại ngữ xuất phát từ những đặc điểm riêng biệt của quá trình học ngoại ngữ (tr.128). Khái niệm lo lắng khi học ngoại ngữ gắn liền với các hoạt động, tình huống học cụ thể, khác biệt với trạng thái lo lắng nhất thời hay đặc điểm tính cách lâu bền của con người.

## **3. Ảnh hưởng của sự lo lắng đối với quá trình học ngoại ngữ**

Đã có rất nhiều học giả nghiên cứu về ảnh hưởng tiêu cực mà sự lo lắng gây ra cho quá trình học cũng như thành tích học ngoại ngữ. Trong số đó, phải kể đến Horwitz và cộng sự (1986) là những nhà nghiên cứu đã đặt nền tảng cho mối quan hệ biện chứng giữa lo lắng với thành tích học ngoại ngữ. Nghiên cứu của Horwitz được thực hiện trên 30 sinh viên ở Hoa Kỳ tham gia lớp học ngoại ngữ. Dữ liệu được thu thập từ các câu trả lời trong thang đo lo lắng khi học ngoại ngữ. Bảng câu hỏi này gồm 33 câu được thiết kế theo thang Likert năm mức. Kết quả chỉ ra rằng sự lo lắng khi học ngoại ngữ tỉ lệ nghịch với điểm số cuối kỳ của sinh viên, lo lắng càng cao, điểm số càng thấp. Bên cạnh đó, Steinberg và Horwitz (1986) đã tiến hành nghiên cứu thử nghiệm trên hai nhóm sinh viên để tìm hiểu xem liệu lo lắng khi học ngoại ngữ có ảnh

hường đến quá trình học hay không. Nhóm thứ nhất học trong môi trường có quay video và nhóm thứ hai được học trong môi trường thoải mái, không ghi hình. Kết quả cho thấy nhóm học trong môi trường thoải mái cảm thấy dễ hiểu hơn nhóm phải học trong môi trường có yếu tố gây khó chịu. Cùng quan điểm nêu trên, nghiên cứu của Trần (2013) khẳng định rằng lo lắng có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình học tiếng Anh với giá trị trung bình của các nhận định ở mức thấp cho thấy mức độ lo lắng khi học ngoại ngữ khá cao. Nghiên cứu được thực hiện trên nhóm đối tượng là sinh viên Việt Nam học tiếng Anh như là một ngoại ngữ không chuyên.

Khi nghiên cứu những ảnh hưởng của lo lắng đến kỹ năng nghe hiểu ngoại ngữ, Vogely (1999) đã nhấn mạnh rằng lo lắng nghe hiểu là một trong những loại lo lắng bất lợi nhất; tuy nhiên trên thực tế nó dường như nhận được rất ít sự chú ý. Golchi (2012) đã điều tra sự lo lắng khi nghe hiểu và mối quan hệ với năng lực nghe hiểu thông qua nghiên cứu trên 63 học viên Iran học IELTS từ hai học viện ngôn ngữ ở Shiraz. Tác giả đã sử dụng các công cụ thu thập số liệu như sau: bảng câu hỏi lý lịch (Lee, 1997), bảng câu hỏi về sự lo lắng khi nghe (Kim, 2000), bảng câu hỏi về chiến lược nghe hiểu và bài kiểm tra nghe IELTS. Kết quả chỉ ra rằng sự lo lắng khi nghe ngoại ngữ làm giảm khả năng nghe hiểu cũng như giảm hiệu quả sử dụng chiến lược nghe hiểu. Shi (2017) đã thực hiện một nghiên cứu điều tra mức độ và nguồn gốc của sự lo lắng khi nghe của 33 học sinh quốc tế tại một trường trung học ở Vương quốc Anh. Kết quả một lần nữa cho thấy ảnh hưởng xấu của sự lo lắng đối với khả năng nghe hiểu của học viên.

Để tìm ra mối quan hệ giữa lo lắng và năng lực viết ngoại ngữ của học sinh cũng như tìm hiểu các nguyên nhân gây ra sự lo lắng từ góc độ người học, Choi (2013) tiến hành khảo sát 26 học sinh trung học cơ sở, sử dụng các bảng câu hỏi điều tra lo lắng khi học ngoại ngữ (FLCAS) của Horwitz, Horwitz & Cope (1986), Thang đo lo lắng khi viết tiếng Anh (EWAS) (Lee, 2005), và bài portfolios để thể hiện khả năng viết. Kết quả ghi nhận mối liên hệ trái chiều giữa lo lắng khi viết ngôn ngữ thứ hai và kết quả các bài viết. Học sinh nào có mức lo lắng càng cao thì mức điểm viết đạt được càng thấp.

Khi tìm hiểu về sự lo lắng và kỹ năng đọc, Rajab và cộng sự (2012) đã thực hiện nghiên cứu xác định mức độ lo lắng khi đọc của 91 sinh viên năm cuối thuộc các ngành tại Đại học Công nghệ Malaysia. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng sinh viên có lo lắng khi đọc ngôn ngữ thứ hai. Saito, Horwitz và Garza (1999) cũng đã tiến hành nghiên cứu sự lo lắng khi đọc tiếng nước ngoài/ngôn ngữ thứ hai. Thông qua việc sử dụng thang đo sự lo lắng khi đọc ngoại ngữ, nhóm nghiên cứu đã thu được dữ liệu khẳng định sự tồn tại khi đọc ngoại ngữ và mức độ lo lắng phụ thuộc vào ngôn ngữ đích và hệ thống chữ viết (Jeremy, 2017; Saito và cộng sự, 1999). Các bằng chứng thu thập được cũng đã chỉ ra rằng mức độ lo lắng khi đọc của học sinh tăng lên cùng với nhận thức về độ khó của văn bản đọc.

Trong quá trình nghiên cứu về sự lo lắng khi học kỹ năng Nói và ảnh hưởng của nó, Balemir (2009) đã tập trung tìm hiểu về mối quan hệ giữa trình độ thông thạo và mức độ lo lắng khi nói ngoại ngữ cũng như nguồn gốc của sự lo lắng khi nói ngoại ngữ. Dữ liệu được thu thập từ 234 sinh viên thuộc các Khoa Tiếng Anh Cơ bản, Kỹ thuật Điện và Điện tử, Quan hệ Quốc tế và Ngôn ngữ Anh tại Đại học Hacettepe. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có mức độ lo lắng khác nhau khi nói ngoại ngữ với nhiều nguyên nhân liên quan đến quá trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá, yếu tố cá nhân và sự sợ hãi khi bị đánh giá. Nghiên cứu của Mukminin và cộng sự (2015) đã tìm ra ảnh hưởng của sự lo lắng đến kỹ năng nói ngoại ngữ của học sinh trung học phổ thông Indonesia. Để thu thập dữ liệu, các nhà nghiên cứu đã sử dụng hồ sơ nhân khẩu học và các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc. Kết quả nghiên cứu thu được đã chỉ ra mối liên quan giữa lo lắng khi học ngoại ngữ và khả năng nói. Phillips (1990) thực hiện nghiên cứu trên 44 sinh viên trong khóa học tiếng Pháp vào học kỳ thứ ba tại Đại học Southwestern ở Georgetown, Texas và chỉ ra những ảnh hưởng trực tiếp của việc học ngoại ngữ đến kết quả kiểm tra nói của sinh viên. Dữ liệu được thu thập thông qua bảng câu hỏi về năng lực ngôn ngữ, thang đo sự lo lắng của Horwitz (1986), các yếu tố cảm xúc ảnh hưởng đến quá trình học, các báo cáo của giáo viên và học sinh về sự lo lắng. Ngoài ra, để có được thông tin về kết quả học nói của học sinh, bài thi vấn đáp, bài thi viết và bảng xếp hạng học lực cũng đã được tập hợp để phân tích và tìm hiểu mức độ lo lắng. Phân tích dữ liệu thu được cung cấp bằng chứng khẳng định rằng lo lắng khi học ngoại ngữ không chỉ ảnh hưởng đến sinh viên năng lực kém mà còn tác động lên các sinh viên có năng lực ngoại ngữ tốt. Điều này chứng tỏ hoạt động nói tiếng nước ngoài mang lại sự lo lắng, căng thẳng cho người học.

Những phát hiện nêu trên là bằng chứng thuyết phục ủng hộ lý thuyết của Horwitz và cộng sự (1986) về tác động tiêu cực của sự lo lắng với khả năng thực hành ngoại ngữ và thành tích học ngoại ngữ. Tuy nhiên, có thể thấy rằng, các nghiên cứu về lo lắng khi học ngoại ngữ chủ yếu tập trung tìm hiểu đối tượng học sinh phổ thông và sinh viên học ngoại ngữ không chuyên. Sự lo lắng khi học ngoại ngữ của sinh viên chuyên ngữ hầu như chưa nhận được nhiều sự quan tâm. Chính vì vậy, nghiên cứu này hướng đến việc tìm hiểu sự lo lắng của sinh viên chuyên ngữ ngành tiếng Anh năm thứ nhất, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.

#### **4. Thang đo sự lo lắng trong lớp học ngoại ngữ**

Để tiến hành đo lường sự lo lắng, nhiều nhà nghiên cứu đã nỗ lực tạo ra các công cụ hiệu quả. Năm 1986, Horwitz và cộng sự đã xác định bản chất lo lắng khi học ngoại ngữ gắn liền với các tình huống học ngoại ngữ cụ thể và đã phát triển thang đo sự lo lắng trong lớp học ngoại ngữ (FLCAS) gồm 33 câu hỏi phân tích về các nguồn gốc tiềm ẩn của sự lo lắng trong lớp học ngoại ngữ. Từ thực tiễn nghiên cứu, có thể nhận định rằng FLCAS (Horwitz, Horwitz & Cope, 1986) có ảnh hưởng lớn và được sử dụng rộng rãi để đo lường mức độ lo lắng trong việc học ngoại ngữ. FLCAS đánh giá 3 khía cạnh lo lắng đã được nghiên cứu trước đó bao gồm e ngại

trong giao tiếp (McCroskey, 1970), lo lắng khi kiểm tra (Sarason, 1978) và sợ bị đánh giá tiêu cực (Watson & Friend, 1969) trong lớp học ngoại ngữ. 33 nhận định được thiết kế theo thang Likert năm điểm, từ 1 (hoàn toàn đồng ý) đến 5 (hoàn toàn không đồng ý). FLCAS đánh giá sự lo lắng của người học thông qua cảm xúc, nhận thức, thái độ tiêu cực đối với các lớp học ngoại ngữ và các hành vi né tránh. Tổng điểm dao động từ 33 đến 165 với điểm thấp hơn cho thấy mức độ lo lắng cao hơn.

## 5. Phương pháp nghiên cứu

### 5.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu là 128 sinh viên tiếng Anh đang theo học năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Các sinh viên này đều thuộc nhóm học phân kỹ năng Nói. Việc lựa chọn sinh viên thuộc cùng một kỹ năng là để bảo đảm tất cả các đối tượng nghiên cứu là các cá nhân riêng biệt, không bị trùng lặp như khi chọn trên nhiều kỹ năng. Ngoài ra, khi nghiên cứu thang đo sự lo lắng của Horwitz và cộng sự (1986), có thể thấy rõ rằng trọng tâm các câu hỏi hướng đến tìm hiểu sự lo lắng khi học kỹ năng Nói. Chính vì vậy, việc lựa chọn sinh viên thuộc nhóm kỹ năng này góp phần tạo điều kiện thu thập thông tin đầy đủ và chính xác.

Ban đầu số lượng sinh viên tham gia là 134, sau khi thu thập được câu trả lời từ đối tượng nghiên cứu, có 6 bảng trả lời chỉ lựa chọn 1 phương án cố định từ câu hỏi đầu tiên đến câu cuối cùng, những bảng này được loại bỏ trong quá trình xử lý dữ liệu. Cho nên số lượng sinh viên có câu trả lời hợp lệ là 128 sinh viên.

### 5.2. Quy trình thu thập và phân tích số liệu

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập theo phương pháp định lượng. Tác giả tiến hành thu thập số liệu theo các bước tiến hành như sau: (1) Tiếp cận sinh viên ngoại ngữ năm thứ nhất, Khoa tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc các nhóm học kỹ năng Nói; (2) Trao đổi về đề tài nghiên cứu và mục tiêu của đề tài; (3) Giới thiệu, giải thích các khái niệm và hướng dẫn điền vào bảng câu hỏi điều tra; (4) thu thập và phân tích số liệu.

Số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 29.0. Tất cả các câu hỏi có câu trả lời theo phân độ Likert, số liệu được kiểm định bằng hệ số Cronbach's alpha để đánh giá độ tin cậy câu hỏi nghiên cứu.

### 5.3. Công cụ thu thập số liệu

Bảng câu hỏi điều tra gồm 31 câu, được thiết kế dựa trên Thang đo lo lắng khi học ngoại ngữ của Horwitz (1986) gồm 33 câu. Trong đó, câu số 14 và 32 của Thang đo (Horwitz, 1986) được loại bỏ khỏi bảng câu hỏi điều tra do đặc thù nhóm đối tượng nghiên cứu là sinh viên tiếng Anh năm nhất hầu như chưa có nhiều cơ hội giao tiếp với người nước ngoài trong giai

đoạn dịch Covid-19. Ngoài ra, các nhận định 5, 11, 14, 18, 28, 32 của Thang đo (Horwitz, 1986) được soạn lại theo hướng đảo ngược để kết quả trả lời của các câu hỏi trong nhóm tương quan thuận với nhau theo thang Likert năm điểm, từ 1 điểm (hoàn toàn đồng ý) đến 5 điểm (hoàn toàn không đồng ý) và từ đó có thể phân tích giá trị trung bình của tất cả các câu hỏi. Bảng câu hỏi điều tra gồm bốn vấn đề chính được phân thành 4 nhóm. Nhóm I: “E ngại giao tiếp bằng tiếng Anh” gồm các nhận định 1, 9, 17, 23, 26, 28. Nhóm II: “Lo sợ bị đánh giá tiêu cực” gồm câu 3, 7, 10, 13, 14, 19, 22, 24, 30, 31. Nhóm III: “Lo lắng về kiểm tra” gồm câu 2, 8, 18, 20. Nhóm IV: “Lo lắng trong lớp học tiếng Anh” gồm câu 4, 5, 6, 11, 12, 15, 16, 21, 27, 25, 29.

## 6. Kết quả và bàn luận

Kết quả nghiên cứu được phân tích và bàn luận trên bốn khía cạnh lo lắng của sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất trong quá trình học tiếng Anh bao gồm e ngại giao tiếp bằng tiếng Anh, lo lắng bị đánh giá tiêu cực, lo lắng khi làm bài kiểm tra và lo lắng trong lớp học tiếng Anh.

### 6.1. E ngại giao tiếp bằng tiếng Anh

**Bảng 6.1.** E ngại giao tiếp bằng tiếng Anh

| Nhận định  | n   | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-----|------------|---------------|
| Câu 1: Tôi chưa bao giờ cảm thấy bình thường khi nói trong lớp học tiếng Anh.          | 128 | 2.48       | 0.90          |
| Câu 9: Tôi bắt đầu hoảng sợ khi phải nói bằng tiếng Anh mà không có sự chuẩn bị trước. | 128 | 2.55       | 0.84          |
| Câu 17: Tôi cảm thấy không tự tin khi sử dụng tiếng Anh để nói trong lớp học.          | 128 | 2.56       | 0.97          |
| Câu 23: Tôi cảm thấy lo lắng khi nói bằng tiếng Anh trước các sinh viên khác.          | 128 | 2.50       | 0.92          |
| Câu 26: Tôi lo lắng và bối rối khi nói tiếng Anh trong lớp học.                        | 128 | 2.66       | 1.04          |
| Câu 28: Tôi cảm thấy lo lắng khi không hiểu từ vựng tiếng Anh mà giáo viên sử dụng.    | 128 | 2.71       | 1.00          |

**Bảng 6.2.** Giá trị trung bình mức e ngại khi giao tiếp bằng tiếng Anh

|        | n | Thấp nhất | Cao nhất | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--------|---|-----------|----------|------------|---------------|
| Nhóm I | 8 | 2.48      | 2.71     | 2.58       | 0.09          |

Kết quả ở bảng 6.1 cho thấy giá trị trung bình của tất cả ý kiến phản hồi dưới 3.00 (ý kiến trung lập) và từ bảng 6.2 giá trị trung bình chung tất cả các nhận định là  $2.58 \pm 0.09$  chứng tỏ phần lớn sinh viên có sự e ngại giao tiếp bằng tiếng Anh. Mức độ e ngại là trung bình và dao động trong khoảng 2.48 - 2.71 hay giữa đồng ý và trung lập.

Phân tích số liệu ở bảng 6.1 chỉ ra rằng sự e ngại giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên là có nhưng với mức độ không quá nghiêm trọng và xảy ra trong nhiều tình huống, ngữ cảnh khác nhau. Trong các yếu tố dẫn đến lo lắng, có thể thấy rằng yếu tố từ vựng không thực sự là một rào cản dẫn đến e ngại giao tiếp đối với sinh viên năm nhất với giá trị trả lời trung bình là  $2.71 \pm 1.00$ .

Các kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi khá tương đồng với nhận định của Horwitz (1986) khi cho rằng lo lắng xuất hiện phổ biến trong quá trình học ngoại ngữ, ngay cả những học viên có kiến thức và năng lực ngoại ngữ tốt cũng cảm thấy lo lắng phần nào khi giao tiếp bằng ngôn ngữ đích. Balemir (2009) cũng đã khẳng định sinh viên có nhiều mức độ lo lắng khi nói ngoại ngữ nhưng nguyên nhân chính không xuất phát từ trình độ ngoại ngữ kém của người học. Trong một nghiên cứu của Trần (2013) trên nhóm đối tượng là sinh viên không chuyên ngữ, giá trị trung bình trả lời cho các nhận định nhóm I là 1.57, trong khi nghiên cứu của chúng tôi trên đối tượng sinh viên chuyên ngữ lại cho giá trị là 2.58 cho thấy sinh viên chuyên ngữ có mức độ e ngại giao tiếp thấp hơn nhóm sinh viên không chuyên.

## 6.2. Lo lắng bị đánh giá tiêu cực

Sự lo lắng về việc bị đánh giá tiêu cực được xem xét qua các nhận định liên quan đến khả năng trả lời câu hỏi trong lớp học ngoại ngữ, tự so sánh năng lực giao tiếp của bản thân với bạn bè ở trong lớp và trong các tình huống giáo viên sửa lỗi sai.



**Bảng 6.3:** Lo lắng bị đánh giá tiêu cực

| Nhận định  | n   | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-----|------------|---------------|
| Câu 3: Tôi run sợ khi biết rằng giáo viên sắp gọi tên tôi trong lớp học tiếng Anh.                 | 128 | 2.61       | 0.88          |
| Câu 7: Tôi luôn nghĩ rằng các sinh viên khác giỏi tiếng Anh hơn tôi.                               | 128 | 2.55       | 0.95          |
| Câu 10: Tôi lo lắng về việc bị đánh giá tiêu cực trong lớp học tiếng Anh.                          | 128 | 2.61       | 0.98          |
| Câu 13: Tôi cảm thấy bối rối khi tình nguyện trả lời câu hỏi trong lớp tiếng Anh.                  | 128 | 2.63       | 1.03          |
| Câu 14: Tôi cảm thấy khó chịu khi không hiểu giáo viên đang sửa lỗi gì.                            | 128 | 2.52       | 0.95          |
| Câu 19: Tôi cảm thấy tim mình đập thình thịch khi sắp được gọi tên trong lớp học tiếng Anh.        | 128 | 2.53       | 0.95          |
| Câu 22: Tôi luôn cảm thấy rằng các sinh viên khác nói tiếng Anh giỏi hơn tôi.                      | 128 | 2.47       | 0.90          |
| Câu 24: Chương trình lớp học tiếng Anh được dạy nhanh đến mức tôi lo lắng sẽ bị bỏ lại phía sau.   | 128 | 2.65       | 0.98          |
| Câu 30: Tôi sợ rằng các học sinh khác sẽ cười tôi khi tôi nói tiếng Anh.                           | 128 | 2.69       | 1.02          |
| Câu 31: Tôi cảm thấy lo lắng khi giáo viên tiếng Anh hỏi những câu hỏi mà tôi chưa chuẩn bị trước. | 128 | 2.55       | 1.00          |

**Bảng 6.4.** Giá trị trung bình mức lo lắng bị đánh giá tiêu cực

|         | n | Thấp nhất | Cao nhất | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---------|---|-----------|----------|------------|---------------|
| Nhóm II | 9 | 2.47      | 2.69     | 2.58       | 0.07          |

Giá trị trung bình của các câu trả lời liên quan đến vấn đề “lo lắng bị đánh giá tiêu cực” là 2.58, nhỏ hơn 3.00 (ý kiến trung lập), dao động từ 2.47 đến 2.69 cho thấy tồn tại sự lo sợ của sinh viên về việc bị đánh giá tiêu cực trong quá trình học. Số liệu từ bảng 6.3 và 6.4 cho thấy sự lo sợ của sinh viên ở mức độ trung bình (bao gồm hoàn toàn đồng ý, đồng ý đến trung lập). Kết quả phản ánh sự lo lắng của sinh viên trong các trường hợp các em có khả năng bị đánh giá tiêu cực như khi thầy cô gọi trả lời mà ít có sự chuẩn bị hay ngay cả trong các tình huống tự nguyện trả lời, khi sinh viên tự so sánh bản thân với các bạn học khác, trong các tình huống bị sửa lỗi mà sinh viên không hiểu hay khi chương trình học đi nhanh hơn so với khả năng tiếp thu của sinh viên. Các kết quả nghiên cứu này khá tương đồng với kết quả của tác giả Aydin (2008) và Shabani (2012) khẳng định một số nguồn gốc của sự lo lắng. Horwitz (1986) khái quát 4 nguồn gốc của sự lo sợ bị đánh giá tiêu cực bao gồm sợ bị đánh giá tiêu cực từ người khác, sợ tạo ấn tượng không tốt cho người khác, sợ mắc lỗi trong lời nói và sợ bị người khác phản đối. Và cũng theo Horwitz (1986), sự lo sợ bị đánh giá tiêu cực là yếu tố ảnh hưởng hàng đầu dẫn đến sự lo lắng của sinh viên khi tham gia lớp học ngoại ngữ cũng như trong suốt quá trình học.

### 6.3. Lo lắng về kiểm tra

Vấn đề “lo lắng về kiểm tra” của sinh viên bao gồm lo lắng về việc mắc lỗi trong kiểm tra, cảm thấy không thoải mái trong quá trình làm bài kiểm tra, lo sợ giáo viên phát hiện và sửa tất cả lỗi trong bài kiểm tra và bối rối trong quá trình chuẩn bị bài kiểm tra.

**Bảng 6.5:** Lo lắng về kiểm tra

| Nhận định   | n   | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---|-----|------------|---------------|
| Câu 2: Tôi lo lắng về việc mắc lỗi trong kiểm tra.                                  | 128 | 2.97       | 1.10          |
| Câu 8: Tôi cảm thấy không thoải mái trong khi làm bài kiểm tra.                     | 128 | 2.44       | 0.88          |
| Câu 19: Tôi sợ rằng giáo viên sẽ sửa tất cả các lỗi tôi mắc phải.                   | 128 | 2.77       | 1.00          |
| Câu 21: Càng học để chuẩn bị cho bài kiểm tra tiếng Anh, tôi càng cảm thấy bối rối. | 128 | 2.85       | 1.07          |

**Bảng 6.6.** Giá trị trung bình mức lo lắng khi làm bài kiểm tra

|          | n | Thấp nhất | Cao nhất | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|----------|---|-----------|----------|------------|---------------|
| Nhóm III | 5 | 2.44      | 2.97     | 2.76       | 0.23          |

Với giá trị trung là  $2.76 \pm 0.23$ , nhóm III nhận được ít sự đồng thuận từ sinh viên hơn so với hai nhóm trước nhưng nhìn chung tất cả các phát biểu trong bảng 6.5 đều có giá trị trung bình  $< 3$  (ý kiến trung lập) nghĩa là sự lo lắng tồn tại ở mức độ nhẹ.

Đối với sự lo lắng của sinh viên về kiểm tra, giá trị trung bình của các câu trả lời là  $2.97 \pm 1.10$  (gần với ý kiến trung lập) cho thấy phần lớn sinh viên không thật sự lo lắng về việc mắc lỗi khi làm kiểm tra. Độ lệch chuẩn lớn nhất lên đến 1.10 chứng tỏ có sự không đồng nhất ý kiến giữa các sinh viên. Phân tích chi tiết từ số liệu gốc cho thấy một bộ phận không nhỏ thừa nhận lo lắng mắc lỗi trong lúc kiểm tra trong khi một nhóm đối tượng với số lượng tương đương có ý kiến trái ngược.

Đối với sự không thoải mái khi làm bài kiểm tra trong lớp học ngoại ngữ, có nhiều sinh viên bày tỏ sự đồng ý thể hiện qua giá trị trung bình các câu trả lời cho câu 8 là  $2.44 \pm 0.88$ . So sánh với các yếu tố khác, cảm giác không thoải mái lúc làm bài kiểm tra cũng có giá trị trung bình thấp nhất đồng nghĩa nhận được nhiều sự đồng ý nhất.

Một bộ phận sinh viên thừa nhận lo lắng khi giáo viên sửa tất cả các lỗi mắc phải thể hiện qua giá trị trung bình của câu 19 là  $2.77 \pm 0.88$ . Mặc dù tỉ lệ này khá gần với mức trả lời trung lập, nhưng đủ để gợi ý giáo viên cần lưu ý lựa chọn cách sửa lỗi phù hợp. Một khi việc sửa tất cả các lỗi có thể tạo ra tâm lí lo lắng đáng kể cho sinh viên, giảng viên có thể lựa chọn phương thức phản hồi và sửa lỗi gắn liền với mục tiêu bài học để sinh viên vừa có cơ hội nhận thức được quá trình học của mình vừa tránh được những áp lực không cần thiết trong lớp học ngoại ngữ.

#### 6.4. Lo lắng trong lớp học tiếng Anh

**Bảng 6.7.** Lo lắng trong lớp học tiếng Anh

| Nhận định  | n   | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|--|-----|------------|---------------|
| Câu 4: Tôi sợ hãi khi không hiểu giáo viên đang nói gì.      | 128 | 2.20       | 1.01          |
| Câu 5: Tôi cảm thấy phiền khi tham gia lớp học ngoại ngữ.    | 128 | 2.63       | 0.80          |
| Câu 6: Trong giờ học ngoại ngữ, tôi thường suy nghĩ về những | 128 | 2.52       | 0.88          |

điều không liên quan đến lớp học.

|   |     |      |      |
|---|-----|------|------|
| Câu 11: Tôi hiểu tại sao một số người lại cảm thấy khó chịu với các lớp học ngoại ngữ.        | 128 | 2.47 | 0.86 |
| Câu 12: Trong lớp học nói ngoại ngữ, tôi có thể lo lắng đến mức quên những điều tôi biết.     | 128 | 2.37 | 0.96 |
| Câu 15: Ngay cả khi tôi đã chuẩn bị tốt cho lớp ngoại ngữ, tôi vẫn cảm thấy lo lắng.          | 128 | 2.58 | 1.02 |
| Câu 16: Tôi thường cảm thấy không muốn đến lớp học ngoại ngữ.                                 | 128 | 2.71 | 1.00 |
| Câu 21: Tôi cảm thấy áp lực khi phải chuẩn bị thật tốt cho lớp ngoại ngữ.                     | 128 | 2.42 | 0.90 |
| Câu 25: Tôi cảm thấy căng thẳng và lo lắng trong lớp học ngoại ngữ hơn các lớp học khác.      | 128 | 2.68 | 1.04 |
| Câu 27: Khi tôi trên đường đến lớp học ngoại ngữ, tôi cảm thấy không thoải mái.               | 128 | 2.56 | 0.82 |
| Câu 29: Tôi cảm thấy choáng ngợp trước số lượng quy tắc mà tôi phải học để nói một ngoại ngữ. | 128 | 2.66 | 0.89 |

**Bảng 6.8.** Giá trị trung bình mức lo lắng trong lớp học tiếng Anh

|         | n  | Thấp nhất | Cao nhất | Trung bình | Độ lệch chuẩn |
|---------|----|-----------|----------|------------|---------------|
| Nhóm IV | 11 | 2.20      | 2.71     | 2.53       | 0.15          |

Bảng 6.7 và 6.8 cho thấy mức độ lo lắng của sinh viên trong lớp học tiếng Anh là vừa phải, với giá trị trung bình tất cả các câu hỏi nhóm IV là  $2.53 \pm 0.15$ . Tuy nhiên, sự “lo lắng trong lớp học tiếng Anh” của sinh viên rất đa dạng thể hiện qua số liệu ở bảng 6.7, tất cả các câu hỏi đều có ý kiến phản hồi trung bình  $< 3$  (ý kiến trung lập).

Trong tất cả các khía cạnh được khảo sát, ý kiến “Tôi sợ hãi khi không hiểu giáo viên nói gì” có giá trị trung bình thấp nhất là  $2.20 \pm 1.01$ . Điều này thể hiện rằng sinh viên chuyên ngữ, mặc dù có năng lực ngoại ngữ ở mức tương đối tốt vẫn chịu áp lực khi không hiểu ý giáo viên. Xếp ở vị trí thứ hai là ý kiến “Trong lớp học nói ngôn ngữ, tôi có thể lo lắng đến mức quên

những điều tôi biết” với giá trị trung bình thấp là  $2.37 \pm 0.96$ . Điều này cho thấy phần lớn sinh viên thừa nhận mối quan hệ của lo lắng và sự giảm sút khả năng ghi nhớ, hồi tưởng trong học tập. Theo đó, sự lo lắng của sinh viên trong lớp học làm ức chế sự ghi nhớ, gợi nhớ và cản trở quá trình tiếp thu kiến thức. Sự ức chế này làm tăng lo lắng, căng thẳng của sinh viên trong lớp học. Scovel (1978) cũng chỉ ra rằng người học ngoại ngữ có xu hướng sợ hãi thường bỏ qua các cấu trúc tiếng Anh có sự khác biệt so với ngôn ngữ mẹ đẻ của họ. Dần dần thói quen đó gây ảnh hưởng xấu đến quá trình học ngoại ngữ. Sự lo lắng trong giờ học tiếng Anh khiến sinh viên gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin trong lớp học và có thể ảnh hưởng đến kết quả học tập. Na (2007) cũng khẳng định rằng sự lo lắng trong lớp học tiếng Anh ảnh hưởng đến thành tích tiếng Anh của sinh viên trung học với  $p = 0,037 < 0,05$ .

Một số vấn đề khác ảnh hưởng đến sự lo lắng của phần lớn sinh viên trong lớp học bao gồm lo lắng về việc chuẩn bị bài chưa đầy đủ, cảm giác căng thẳng trong lớp học và sự mất tập trung trong lớp học. Giá trị trung bình của các câu trả lời về vấn đề này dao động từ 2.52-2.68 hay ở giữa ý kiến đồng ý và ý kiến trung lập. Độ lệch chuẩn dao động 0.8-1.0 là tương đối lớn thể hiện sự phân tán rộng và ít đồng nhất trong nhận định của sinh viên. Số liệu trên trong nghiên cứu của chúng tôi khá tương đồng với kết quả từ các nghiên cứu của Trần (2013) và Aydin (2008).

Hiểu được tính đa dạng trong hình thái lo lắng của sinh viên trong lớp học tiếng Anh sẽ giúp người dạy chú ý hơn vào việc điều chỉnh các phương pháp cũng như ứng xử phù hợp với tâm lý sinh viên trong hoạt động giảng dạy, từ đó giúp giải tỏa căng thẳng và lo lắng cho sinh viên, để một mặt giảm các ảnh hưởng tiêu cực, mặt khác tăng cường khả năng tương tác và gia tăng hiệu quả học tập ngoại ngữ.

## 7. Kết luận

Nghiên cứu của chúng tôi trình bày những phát hiện về sự lo lắng trong quá trình học tiếng Anh của sinh viên chuyên ngữ năm thứ nhất tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Một số phân tích trên cơ sở số liệu thu được đã mô tả khá đầy đủ mức độ lo lắng của sinh viên trong quá trình học tiếng Anh thể hiện trên nhiều khía cạnh bao gồm e ngại giao tiếp ( $M = 2.58$ ), lo lắng về đánh giá tiêu cực ( $M = 2.58$ ), lo lắng về bài kiểm tra ( $M = 2.76$ ) và lo lắng trong lớp học tiếng Anh ( $M = 2.53$ ). Nhìn chung, lo lắng của sinh viên chuyên ngữ không quá nghiêm trọng, tuy nhiên nhiều vấn đề về lo lắng cần nhận được sự quan tâm, tìm hiểu nhiều hơn nữa. Những nghiên cứu sâu hơn cần được tiến hành, đặc biệt trong việc tìm kiếm các giải pháp cụ thể để giải tỏa sự lo lắng của sinh viên chuyên ngữ trong quá trình học; từ đó nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aida, Y. (1994). Examination of Horwitz, Horwitz, and Cope's construct of foreign language anxiety: The case of students of Japanese. *The Modern Language Journal*, 78(2), 155-168.
2. Aydın, S., Harputlu, L., Güzel, S., & Genç, D. (2016). A Turkish version of foreign language anxiety scale: Reliability and validity. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 232, 250-256.
3. Balemir, S. H. (2009). *The sources of foreign language speaking anxiety and the relationship between proficiency level and degree of foreign language speaking anxiety* (Doctoral dissertation, Bilkent Üniversitesi (Turkey)).
4. Choi, S. (2013). Language anxiety in second language writing: Is it really a stumbling block. *Second Language Studies*, 31(2), 1-42.
5. Gardner, R. C., & Smythe, P. C. (1975). Motivation and second-language acquisition. *Canadian Modern Language Review*, 31(3), 218-233.
6. Golchi, M. M. (2012). Listening anxiety and its relationship with listening strategy use and listening comprehension among Iranian IELTS learners. *International Journal of English Linguistics*, 2(4), 115.
7. Horwitz, E. K., Horwitz, M. B., & Cope, J. (1986). Foreign language classroom anxiety. *The Modern Language Journal*, 70(2), 125-132.
8. Kim, J. H. (2000). *Foreign language listening anxiety: A study of Korean students learning English*. The University of Texas at Austin.
9. Mukminin, A., Masbirorotni, M., Noprival, N., Sutarno, S., Arif, N., & Maimunah, M. (2015). EFL speaking anxiety among senior high school students and policy recommendations. *Journal of Education and Learning*, 9(3), 217-225.
10. Na, Z. (2007). A study of high school students' English learning anxiety. *Asian EFL Journal*, 9(3), 22-34.
11. Phillips, E. M. (1992). The effects of language anxiety on students' oral test performance and attitudes. *The Modern Language Journal*, 76(1), 14-26.

12. Rajab, A., Zakaria, W. Z. W., Rahman, H. A., Hosni, A. D., & Hassani, S. (2012). Reading anxiety among second language learners. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 66, 362-369.
13. Saito, Y., Garza, T. J., & Horwitz, E. K. (1999). Foreign language reading anxiety. *The Modern Language Journal*, 83(2), 202-218.
14. Tran, T. T. T., Baldauf Jr, R. B., & Moni, K. (2013). Foreign language anxiety: Understanding its status and insiders' awareness and attitudes. *TESOL Quarterly*, 47(2), 216-243.
15. Trylong, V. L. (1987). *Aptitude, attitudes, and anxiety: A study of their relationships to achievement in the foreign language classroom*. Purdue University.
16. Vogely, A. (1999). Listening comprehension anxiety: Students' reported sources and solutions. *Foreign Language Annals*, 31, 67-80.